

TỔNG HỢP MỘT SỐ ĐIỂM KHÁC NHAU GIỮA THÔNG TƯ 200 VÀ THÔNG TƯ 133

Crowe Horwath Vietnam

Giới thiệu về Crowe Horwath Vietnam

- **Công ty TNHH kiểm toán Crowe Horwath Việt Nam** (tên viết tắt là Crowe Horwath Vietnam) được thành lập vào năm 2008, với hai văn phòng tại Hà Nội và Hồ Chí Minh, là một trong những công ty kiểm toán và tư vấn hàng đầu trong phân khúc thị trường tầm trung tại Việt Nam. Hiện nay, Crowe Horwath Vietnam cung cấp các dịch vụ bao gồm: kiểm toán, kế toán thuế, thuê ngoài, tư vấn, quản lý rủi ro và các dịch vụ tư vấn doanh nghiệp khác có liên quan.
- Crowe Horwath Vietnam là thành viên chính thức của Crowe Horwath International, mạng lưới các công ty kiểm toán, tư vấn độc lập được xếp hạng trong top 10 thế giới và thứ 6 tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.
- Crowe Horwath Vietnam cam kết mang tới dịch vụ với chất lượng tốt nhất, quy trình cung cấp dịch vụ tích hợp cao và luôn hướng tới các giá trị cốt lõi của chúng tôi.
- Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại thị trường Việt Nam, công ty chúng tôi được xây dựng với đội ngũ nhân viên sở tại am hiểu tình hình địa phương, nhờ đó, chúng tôi có thể cung cấp cho khách hàng những kiến thức về pháp luật cũng các quy định về thuế của Việt Nam - điều đóng vai trò quan trọng đối với những khách hàng muốn thực hiện các dự án mới hoặc mở rộng kinh doanh sang Việt Nam.

Các thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành

- **Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”)** hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: thông tư này thay thế chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.
- **Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”)** Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/tt-btc ngày 22/12/2014 của bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp
- **Thông tư 133/2016/TT-BTC (“Thông tư 133”)** hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa: thông tư này thay thế cho Quyết định 48/2006/QĐ-BTC và thông tư 138/2011/TT-BTC.

Nguyên tắc chung

- Doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể lựa chọn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2015 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp và phải thực hiện nhất quán trong năm tài chính.
- Trường hợp chuyển đổi trở lại Thông tư 133 thì phải thực hiện từ đầu năm tài chính và phải thông báo lại cho cơ quan Thuế.
- Doanh nghiệp vừa và nhỏ căn cứ vào nguyên tắc kế toán, nội dung và kết cấu của các tài khoản kế toán quy định tại Thông tư 133 để phản ánh và hạch toán các giao dịch kinh tế phát sinh phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị.
- Trường hợp trong năm tài chính doanh nghiệp có những thay đổi dẫn đến không còn thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Thông tư 133 thì được áp dụng Thông tư 133 cho đến hết năm tài chính hiện tại và phải áp dụng Chế độ kế toán phù hợp với quy định của pháp luật kể từ năm tài chính kế tiếp.

Tiêu chí xác định doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ

Theo quy định tại Nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 Về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Quy mô	Doanh nghiệp siêu nhỏ	Doanh nghiệp nhỏ		Doanh nghiệp vừa	
Khu vực	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động	Tổng nguồn vốn	Số lao động
I. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
II. Công nghiệp và xây dựng	10 người trở xuống	20 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 200 người	từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	từ trên 200 người đến 300 người
III. Thương mại và dịch vụ	10 người trở xuống	10 tỷ đồng trở xuống	từ trên 10 người đến 50 người	từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	từ trên 50 người đến 100 người

Liệt kê một số điểm khác biệt giữa TT200/2014/TT-BTC và TT133/2016/TT-BTC

STT	Nội dung
1	Tổng quan chung về Chế độ kế toán doanh nghiệp
2	So sánh danh mục hệ thống tài khoản kế toán
3	Tài khoản kế toán
4	Báo cáo tài chính

1. Tổng quan chung về Chế độ kế toán doanh nghiệp

Nội dung	Thông tư 200, Thông tư 53	Thông tư 133
1. Đối tượng áp dụng	<ul style="list-style-type: none">▪ Các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế không phân biệt vi mô doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none">▪ Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (bao gồm các doanh nghiệp siêu nhỏ) thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trừ doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, các công ty đại chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực đặc thù như điện lực, dầu khí, bảo hiểm, chứng khoán...

1. Tổng quan chung về Chế độ kế toán doanh nghiệp (tiếp theo)

Nội dung	Thông tư 200, Thông tư 53	Thông tư 133
2. Chuyển đổi BCTC bằng ngoại tệ sang VND	<ul style="list-style-type: none">Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo). (điều 107)	<ul style="list-style-type: none">Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá chuyển khoản trung bình cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. <p>(Mục C, khoản X)</p> <p><i>Tỷ giá chuyển khoản trung bình cuối kỳ: trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch</i></p>

2. Danh mục hệ thống tài khoản kế toán

Xem phụ lục đính kèm

3. Tài khoản kế toán

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
1. Kế toán tiền	<ul style="list-style-type: none">Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản 1113, 1123 là vàng được sử dụng cho các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.	<ul style="list-style-type: none">Thông tư này KHÔNG hướng dẫn kế toán về vàng tiền tệ, vì vàng bạc, kim khí quý, đá quý tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ thường được sử dụng với chức năng là hàng tồn kho hoặc nhằm mục đích đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để bán hơn là mục đích cất giữ giá trị.
2. Kế toán phải thu khác và tài khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	<ul style="list-style-type: none">Phản ánh các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược vào TK 244	<ul style="list-style-type: none">Phản ánh các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược vào TK 1386

3. Tài khoản kế toán (tiếp theo)

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
3. Kế toán hàng tồn kho	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Danh mục hàng tồn kho của doanh nghiệp bao gồm cả hàng hóa được lưu giữ tại kho bảo thuế của doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Danh mục hàng tồn kho của doanh nghiệp KHÔNG bao gồm hàng hóa được lưu giữ tại kho bảo thuế của doanh nghiệp
4. Phải trả, phải nộp khác và các khoản nhận ký quỹ, ký cược	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Bảo hiểm thất nghiệp hạch toán vào Tk 3386 ▪ Các khoản nhận ký quỹ, ký cược hạch toán vào TK 344 ▪ Phải trả về cổ phần hóa hạch toán vào TK 3385 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Bảo hiểm thất nghiệp hạch toán vào Tk 3385 ▪ Các khoản nhận ký quỹ, ký cược hạch toán vào TK 3386 ▪ Không có TK phải trả về cổ phần hóa

3. Tài khoản kế toán (tiếp theo)

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	<p>Trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia gắn với nhiệm vụ ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh quốc phòng:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có số dư Nợ cuối kỳ kế toán trong trường hợp phát sinh lỗ tỷ giá ▪ Có số dư Có cuối kỳ kế toán trong trường hợp phát sinh lãi tỷ giá 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Không có số dư cuối kỳ kế toán vì Thông tư 133 không áp dụng đối với các doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
6. Các Tk liên quan đến việc trích lập và sử dụng Quỹ	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Quy định riêng các tk dùng để ghi nhận việc trích lập và sử dụng quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu từ Tk 414 → TK 466 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Sử dụng Tk 418 để ghi nhận và phản ánh tất cả các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu.

3. Tài khoản kế toán (tiếp theo)

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
7. Các khoản giảm trừ doanh thu	<ul style="list-style-type: none">▪ Hạch toán vào Tk 521	<ul style="list-style-type: none">▪ Khi phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu, hạch toán giảm trên Tk 511.

4. Báo cáo tài chính

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
1. Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục	<p>Gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">▪ Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)▪ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)▪ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)▪ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	<p>Áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa</p> <p>a. Báo cáo bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none">▪ Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a – DNN hoặc B01b – DNN)▪ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – DNN)▪ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – DNN) <p>Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01 - DNN)</p>

4. Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
1. Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục <i>(tiếp theo)</i>		Áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa b. Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập: <ul style="list-style-type: none">▪ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – DNN) Áp dụng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ: <ul style="list-style-type: none">▪ Báo cáo tình hình tài chính Mẫu số B01 - DNSN▪ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B02 - DNSN▪ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Mẫu số B09 - DNSN

4. Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
2. Hệ thống báo cáo tài chính năm áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục	<p>Gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">▪ Bảng cân đối kế toán áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục (Mẫu B01/CDHĐ – DNKLT)▪ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục (Mẫu B02/CDHĐ – DNKLT)▪ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục (Mẫu B03/CDHĐ – DNKLT)▪ Thuyết minh Báo cáo tài chính áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục (Mẫu B09/CDHĐ – DNKLT)	<p>Áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa</p> <p>a. Báo cáo bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none">▪ Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 – DNNKLT)▪ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – DNN)▪ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – DNNKLT) <p>b. Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:</p> <ul style="list-style-type: none">▪ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – DNN)

4. Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
3. Hệ thống báo cáo tài chính giữa niên độ	<p>a. Dạng đầy đủ:</p> <ul style="list-style-type: none">▪ Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN)▪ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN)▪ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN)▪ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (Mẫu số B 09a – DN) <p>b. Dạng tóm lược, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">▪ Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01b – DN)▪ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02b – DN)▪ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03b – DN)▪ Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc (Mẫu số B 09a – DN)	Không quy định

4. Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
4. Nơi nộp báo cáo tài chính	<ul style="list-style-type: none">▪ Cơ quan tài chính▪ Cơ quan thuế▪ Cơ quan thống kê▪ Cơ quan đăng ký kinh doanh▪ DN cấp trên▪ Ban quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao nếu được yêu cầu	<ul style="list-style-type: none">▪ Cơ quan thuế▪ Cơ quan thống kê▪ Cơ quan đăng ký kinh doanh ▪ Ban quản lý khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao nếu được yêu cầu

4. Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
Nguyên tắc lập và trình bày BCTC khi doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục		
5. Phân loại tài sản và nợ phải trả	<ul style="list-style-type: none"> Tài sản và nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán phải được trình bày thành ngắn hạn và dài hạn; Trong từng phần ngắn hạn và dài hạn, các chỉ tiêu được sắp xếp theo tính thanh khoản giảm dần. 	<ul style="list-style-type: none"> Tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần hoặc trình bày thành ngắn hạn và dài hạn. Riêng Báo cáo tình hình tài chính của doanh nghiệp siêu nhỏ được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.
6. Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí của các kỳ trước có sai sót làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền	<ul style="list-style-type: none"> phải được điều chỉnh hồi tố, không điều chỉnh vào kỳ báo cáo. 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp vừa và nhỏ: tương tự Thông tư 200 Doanh nghiệp siêu nhỏ được điều chỉnh sai sót của các kỳ trước vào kỳ phát hiện sai sót.

4. Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội dung	Thông tư 200	Thông tư 133
<p>Nguyên tắc lập và trình bày BCTC khi doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục</p>		
<p>7. Tái Phân loại tài sản và nợ phải trả</p>	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp phải tái phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành tài sản ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn. 	<ul style="list-style-type: none"> Doanh nghiệp không phải phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn và dài hạn mà trình bày theo tính thanh khoản giảm dần
<p>8. Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại thời điểm báo cáo như bình thường 	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản trung bình tại thời điểm báo cáo như trường hợp bình thường <p><i>Tỷ giá chuyển khoản trung bình cuối kỳ: trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch</i></p>

Phụ lục: So sánh danh mục hệ thống tài khoản kế toán

Thông tư 200			Thông tư 133		
TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản	TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản
111		Tiền mặt	111		Tiền mặt

	1113	Vàng tiền tệ			
112		Tiền gửi ngân hàng	112		Tiền gửi ngân hàng

	1123	Vàng tiền tệ			
113		Tiền đang chuyển			
	1131	Tiền Việt Nam			
	1132	Ngoại tệ			
128		Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	128		Đầu tư ngắn hạn khác

	1282	Trái phiếu			
	1283	Cho vay			
136		Phải thu nội bộ	136		Phải thu nội bộ

	1362	Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá			
	1363	Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa			

Phụ lục: So sánh danh mục hệ thống tài khoản kế toán (tiếp theo)

Thông tư 200			Thông tư 133		
TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản	TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản
138		Phải thu khác	138		Phải thu khác

	1385	Phải thu về cổ phần hóa			
				1386	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược
153		Công cụ, dụng cụ	153		Công cụ, dụng cụ
	1531	Công cụ, dụng cụ			
	1532	Bao bì luân chuyển			
	1533	Đồ dùng cho thuê			
	1534	Thiết bị, phụ tùng thay thế			
155		Thành phẩm	155		Thành phẩm
	1551	Thành phẩm nhập kho			
	1557	Thành phẩm bất động sản			
156		Hàng hóa	156		Hàng hóa

	1567	Hàng hóa bất động sản			
158		Hàng hóa kho bảo thuế			
161		Chi sự nghiệp			
	1611	Chi sự nghiệp năm trước			
	1612	Chi sự nghiệp năm nay			
171		Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ			

Phụ lục: So sánh danh mục hệ thống tài khoản kế toán (tiếp theo)

Thông tư 200			Thông tư 133		
TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản	TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản
211		Tài sản cố định hữu hình	211		Tài sản cố định
	2111	Nhà cửa, vật kiến trúc		2111	Tài sản cố định hữu hình
	2112	Máy móc, thiết bị		2112	Tài sản cố định thuê tài chính
	2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		2113	Tài sản cố định vô hình
	2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý			
	2115	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm			
	2118	TSCĐ khác			
212		Tài sản cố định thuê tài chính			
	2121	TSCĐ hữu hình thuê tài chính			
	2122	TSCĐ vô hình thuê tài chính			
213		Tài sản cố định vô hình			
	2131	Quyền sử dụng đất			
	2132	Quyền phát hành			
	2133	Bản quyền, bằng sáng chế			
	2134	Nhãn hiệu, tên thương mại			
	2135	Chương trình phần mềm			
	2136	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền			
	2138	TSCĐ vô hình khác			
221		Đầu tư vào công ty con			
222		Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			

Phụ lục: So sánh danh mục hệ thống tài khoản kế toán (tiếp theo)

Thông tư 200			Thông tư 133		
TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản	TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản
228		Đầu tư khác	228		Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
	2281	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
	2288	Đầu tư khác			
243		Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
244		Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược			
333		Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	333		Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	33381	Thuế bảo vệ môi trường			
	33382	Các loại thuế khác			
343		Trái phiếu phát hành			
	3431	Trái phiếu thường			
	34311	Mệnh giá trái phiếu			
	34312	Chiết khấu trái phiếu			
	34313	Phụ trội trái phiếu			
	3432	Trái phiếu chuyển đổi			
336		Phải trả nội bộ	336		Phải trả nội bộ
	3361	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
	3362	Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá			
	3363	Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa			
	3368	Phải trả nội bộ khác			

Phụ lục: So sánh danh mục hệ thống tài khoản kế toán (tiếp theo)

Thông tư 200			Thông tư 133		
TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản	TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản
337		Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
338		Phải trả, phải nộp khác	338		Phải trả, phải nộp khác

	3385	Phải trả về cổ phần hóa		3385	Bảo hiểm thất nghiệp
	3386	Bảo hiểm thất nghiệp		3386	Nhận ký quỹ, ký cược
344		Nhận ký quỹ, ký cược			
347		Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
357		Quỹ bình ổn giá			
411		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	4113	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
412		Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
413		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		Chênh lệch tỷ giá hối đoái
	4131	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4131	Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính
	4132	Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn trước hoạt động		4132	Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư XDCB
414		Quỹ đầu tư phát triển			
417		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
441		Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			

Phụ lục: So sánh danh mục hệ thống tài khoản kế toán (tiếp theo)

Thông tư 200			Thông tư 133		
TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản	TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản
461		Nguồn kinh phí sự nghiệp			
	4611	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước			
	4612	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay			
466		Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
511		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	5114	Doanh thu trợ cấp, trợ giá			
	5117	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư			
521		Các khoản giảm trừ doanh thu			
	5211	Chiết khấu thương mại			
	5212	Giảm giá hàng bán			
	5213	Hàng bán bị trả lại			
611		Mua hàng	611		Mua hàng
	6111	Mua nguyên liệu, vật liệu			
	6112	Mua hàng hóa			
621		Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp			
622		Chi phí nhân công trực tiếp			

Phụ lục: So sánh danh mục hệ thống tài khoản kế toán (tiếp theo)

Thông tư 200			Thông tư 133		
TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản	TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản
623		Chi phí sử dụng máy thi công			
	6231	Chi phí nhân công			
	6232	Chi phí nguyên, vật liệu			
	6233	Chi phí dụng cụ sản xuất			
	6234	Chi phí khấu hao máy thi công			
	6237	Chi phí dịch vụ mua ngoài			
	6238	Chi phí bằng tiền khác			
627		Chi phí sản xuất chung			
	6271	Chi phí nhân viên phân xưởng			
	6272	Chi phí nguyên, vật liệu			
	6273	Chi phí dụng cụ sản xuất			
	6274	Chi phí khấu hao TSCĐ			
	6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài			
	6278	Chi phí bằng tiền khác			
641		Chi phí bán hàng			
	6411	Chi phí nhân viên			
	6412	Chi phí nguyên vật liệu, bao bì			
	6413	Chi phí dụng cụ, đồ dùng			
	6414	Chi phí khấu hao TSCĐ			
	6415	Chi phí bảo hành			
	6417	Chi phí dịch vụ mua ngoài			
	6418	Chi phí bằng tiền khác			

Phụ lục: So sánh danh mục hệ thống tài khoản kế toán (tiếp theo)

Thông tư 200			Thông tư 133		
TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản	TK Cấp 1	TK Cấp 2	Tên tài khoản
642		Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		Chi phí quản lý kinh doanh
	6421	Chi phí nhân viên quản lý		6421	Chi phí bán hàng
	6422	Chi phí vật liệu quản lý		6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp
	6423	Chi phí đồ dùng văn phòng			
	6424	Chi phí khấu hao TSCĐ			
	6425	Thuế, phí và lệ phí			
	6426	Chi phí dự phòng			
	6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài			
	6428	Chi phí bằng tiền khác			
821		Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp	821		Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp
	8211	Chi phí thuế TNDN hiện hành			
	8212	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			

Crowe Horwath Vietnam

- Trên đây là phần trình bày của chúng tôi, hy vọng sẽ mang lại hữu ích cho Quý vị.
- Nếu Quý vị có thắc mắc hay câu hỏi liên quan xin vui lòng liên hệ với chúng tôi qua email sau: customercare@crowehorwath.vn
- Tài liệu này có thể có thiếu sót hoặc cần được hoàn thiện hơn, vì vậy chúng tôi rất mong nhận được những nhận xét hoặc góp ý của Quý vị qua email trên.
- Ngoài ra, Quý vị có thể liên hệ với chúng tôi qua địa chỉ sau:



Văn phòng Hà Nội

Phòng 1205, Tầng 12, Tòa nhà IPH, 241 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (84-4) 2220 8334/ 37
Fax: (84-4) 2220 8335



Văn phòng Hồ Chí Minh

Tầng 14, Tòa nhà TNR, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3827 8516/ 19
Fax: (84-8) 3827 8617

Website: www.crowehorwath.vn

Facebook: <https://www.facebook.com/crowehorwathvietnam>

Hệ thống **Newsletter** của chúng tôi thường xuyên gửi những tài liệu chuyên môn tương tự qua thư điện tử để cập nhật thông tin và kiến thức cho khách hàng.

Nếu bạn muốn đăng ký **Newsletter** của chúng tôi xin vui lòng gửi yêu cầu tới hòm mail: customercare@crowehorwath.vn

hoặc đăng ký trên website: www.crowehorwath.vn

(click nút Subscribe)

Caring - Sharing - Investing - Growing



Cảm ơn Quý vị đã quan tâm đến tài liệu của chúng tôi và mong có cơ hội hợp tác và đồng hành với Quý vị

Crowe Horwath Vietnam

Member Crowe Horwath International

Văn bản này được cung cấp miễn phí và không ràng buộc trách nhiệm pháp lý. Nội dung văn bản chỉ bao gồm thông tin chung về vấn đề đang được quan tâm và, do đó, không cấu thành các tư vấn chuyên môn. Quý khách hàng vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin chi tiết